

RUỘNG ĐẤT - KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN TRONG PHÁT TRIỂN NỀN NÔNG NGHIỆP HÀNG HÓA

Langmoi.vn
20/5/2017

PGS.TS Trần Quốc Toàn
Chuyên gia cao cấp, nguyên phó chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ

ĐẶT VẤN ĐỀ:

- Phát triển nền nông nghiệp hàng hóa hiện đại, hiệu quả và bền vững phải là xây dựng thể chế đồng bộ gắn kết hữu cơ giữa Kinh tế hộ nông dân, các loại hình HTX, hệ thống các doanh nghiệp, với khoa học – công nghệ và với thị trường, phù hợp với điều kiện cụ thể.

- Quá trình phát triển nền nông nghiệp hàng hóa hiện đại gắn hữu cơ với quá trình phát triển công nghiệp, dịch vụ, phi nông nghiệp hóa, với quá trình hội nhập quốc tế.

- Vấn đề tích tụ - tập trung ruộng đất trong phát triển nền nông nghiệp hàng hóa hiện đại là quá trình khách quan, gắn liền với sự vận động, phân hóa và phát triển của lực lượng đông đảo mang tính chất đơn vị cơ bản – nền tảng là kinh tế hộ nông dân (KTHND) trong cơ chế thị trường.

- Vấn đề tích tụ - tập trung ruộng đất là một quá trình lâu dài, không thể chỉ xem xét đơn thuần từ giác độ sản xuất nông nghiệp hàng hóa, mà chứa đựng tổng hợp những nhân tố chính trị, xã hội, kinh tế, văn hóa, truyền thống, điều kiện tự nhiên, cần được nghiên cứu thấu đáo cả về lý luận và thực tiễn.

- Phát triển nền nông nghiệp hàng hóa hiện đại phải xác định rõ KTHND có vị trí như thế nào trong các chuỗi sản xuất – chuỗi giá trị gia tăng; Lợi ích của người nông dân ở đâu và được đảm bảo như thế nào trong quá trình phát triển này, gắn với sự phát triển của hệ thống HTX và các loại doanh nghiệp.

I. KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN VÀ RUỘNG ĐẤT TRONG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN NỀN NÔNG NGHIỆP HÀNG HÓA

Kinh tế hộ nông dân (trên thế giới thường gọi dưới cái tên phổ biến nhất là Nông trại) tồn tại, vận động và phát triển với nhiều hình thức và cấp độ khác nhau: từ tự nhiên - tự cung tự cấp với trình độ còn hết sức thô sơ, đến sản xuất hàng hoá lớn với trang bị kỹ thuật hiện đại. Sự tồn tại khách quan, phổ biến của KTHND dưới các hình thái kinh tế - xã hội khác nhau, bị quy định bởi những quy luật nội tại, đặc thù riêng có của sản xuất nông nghiệp, trước hết là về phương diện sinh học, đối với đất đai và các tư liệu sản xuất khác.

Trong bước chuyển sang nền nông nghiệp hàng hoá, khi KTHND càng tham gia sâu hơn vào các quan hệ thị trường thì các yếu tố sản xuất (và cũng là các đối tượng sở hữu) sẽ vận động theo hướng thoát khỏi trạng thái khép kín, đi vào liên kết, hợp tác, tích tụ... để sử dụng có hiệu quả hơn. Tuy nhiên, gắn trực tiếp với ruộng đất và với quá trình sản xuất sinh học vẫn phải chủ yếu là hộ nông dân (người làm nghề nông) thực sự làm chủ các quá trình này.

1. Những hình thái vận động của kinh tế hộ nông dân và ruộng đất

KTHND tồn tại, vận động và phát triển dựa trên 4 “chân đế” chủ yếu: đất đai - vốn - lao động - công cụ lao động (ở trình độ cao hơn còn có khoa học – công nghệ đóng vai trò then chốt) quy định trạng thái và trình độ của kinh tế hộ nông dân. Sự vận động của KTHND trong kinh tế thị trường cũng bị quy định bởi sự vận động của các yếu tố cơ bản đó dưới tác động của cơ chế thị trường.

Trong kinh tế thị trường, phát triển nền nông nghiệp hàng hoá, sự vận động của quan hệ ruộng đất là một trong các yếu tố chủ đạo quy định sự vận động của KTHND. Sử dụng ruộng đất theo phương thức nào, gắn bó với ruộng đất tới mức độ nào, hay quyết định chuyển nhượng ruộng đất sang làm ngành nghề khác... phụ thuộc vào ruộng đất có vai trò như thế nào trong việc tạo lập và phát triển của KTHND.

Sự khác biệt về trình độ kinh tế hộ nông dân, về thực chất là sự khác biệt về trình độ canh tác. Ở nước ta do điều kiện lịch sử - kinh tế - xã hội - tự nhiên, trình độ kinh tế hộ khác nhau rất xa giữa các vùng: từ du canh du cư với chiếc gậy tria lỗ - tra hạt như còn ở một số nơi miền núi phía Bắc, đến sản xuất hàng hoá khá cao, như vùng đồng bằng Sông Cửu Long, vùng Đông Nam Bộ... Đây là quá trình không đồng đều giữa các hộ nông dân, các vùng và diễn ra theo các nấc thang khác nhau. Nhưng xét theo trình độ sản xuất hàng hoá, về phương diện tổng quát, có thể chia làm ba kiểu vận động gắn với ba loại hộ nông dân:

- Vận động của kinh tế hộ trong khuôn khổ của kinh tế tự cung tự cấp.
- Vận động của kinh tế hộ với trình độ sản xuất hàng hoá nhỏ
- Vận động của kinh tế hộ đi vào sản xuất hàng hoá lớn.

Gắn với ba trình độ này là ba hình thức và quy mô sử dụng vốn, lao động và ruộng đất khác nhau, sẽ tồn tại những quy mô đất đai canh tác tối thiểu đối với một hộ, mà dưới mức đó thu nhập từ đất chỉ đảm bảo tự cung tự cấp (nếu quy mô canh tác quá nhỏ cũng không thể đáp ứng nhu cầu tự cung tự cấp) - *ruộng đất được sử dụng như là điều kiện sinh tồn*. Khi quy mô canh tác lớn lên (hoặc thay đổi cơ cấu canh tác) tạo ra thu nhập từ đất vượt quá ngưỡng của tự cung tự cấp, lúc đó đất đai, vốn, lao động bắt đầu được sử dụng như một đầu vào của sản xuất hàng hoá, đi vào sản xuất hàng hoá. Đương nhiên, quy mô đất đai cần thiết để chuyển sang sản xuất hàng hoá còn tùy thuộc và loại đất, loại hình sản xuất kinh doanh, loại cây con, và phụ thuộc vào trình độ canh tác. Chính vì vậy trong sản xuất nông nghiệp hàng hoá, đất đai có thể vận động từ lĩnh vực cây trồng vật nuôi này sang cây trồng vật nuôi khác theo tiếng gọi của lợi nhuận.

Kinh tế hộ nông dân được thể hiện trong mối tương quan giữa các yếu tố cơ bản sau: - Thu nhập; - Đầu tư vốn, vật chất, dịch vụ; - Lao động; - Diện tích ruộng đất canh tác. Trong quan hệ với quy mô ruộng đất canh tác cho thấy:

- Diện tích canh tác của một lao động (hay một hộ) quá ít, thấp hơn so với nhu cầu tối thiểu, và nếu mang lại một thu nhập thấp hơn mức ngưỡng tái sản xuất giản đơn thì hộ đó thường luôn luôn rơi vào tình trạng sản xuất tự cung tự cấp (xét về phương diện canh tác nông nghiệp thuần túy, chứ chưa xét đến có làm ngành nghề khác). Trong trường hợp này ruộng đất chủ yếu được sử dụng như điều kiện sinh tồn (trước hết về mặt lương thực). Để chuyển sang sản xuất hàng hoá phải có quy mô canh tác cho thu nhập vượt qua mức ngưỡng tối thiểu cần có đối với một hộ.

- Nếu diện tích canh tác nhỏ mà lại phải chịu khấu hao tài sản cố định lớn, chi phí sản xuất cao sẽ dẫn đến thua lỗ. Khi diện tích canh tác nhỏ không có cơ sở kinh tế để hiện đại hoá công cụ sản xuất nâng cao năng suất lao động, canh tác thủ công sẽ ngự trị, duy trì (hoặc phải đi thuê lao động, máy móc). Đó là chưa tính tới những rủi ro sản xuất do thiên nhiên gây ra và những rủi ro từ cơ chế thị trường..., khi đó hiệu quả sản xuất còn thấp hơn, đòi hỏi quy mô đất đai canh tác tối thiểu phải lớn hơn.

- Khi quy mô canh tác lớn hơn mức nhu cầu tối thiểu và mang lại thu nhập ròng cao hơn mức ngưỡng tái sản xuất giản đơn thì kinh tế hộ sẽ đi vào sản xuất hàng hóa với tính cách là một đơn vị sản xuất hàng hóa.

Ở những vùng nông nghiệp hàng hoá đã có bước phát triển nhất định, sẽ diễn ra quá trình phát triển và phân hoá các hộ:

- Có những hộ phát triển đa canh, đa ngành song vẫn giữ ruộng đất; thậm chí có khi không trực tiếp làm ruộng mà thuê người khác làm.

- Có những hộ sử dụng ruộng đất để trồng các loại cây, rau, hoa thương phẩm cao, hoặc chăn nuôi đặc sản... có thu nhập cao.

- Có những hộ sang nhượng hẳn ruộng đất đi làm ngành nghề phi nông nghiệp.

- Những hộ có vốn, có lao động, có kinh nghiệm làm ruộng có thể mua thêm ruộng đất để canh tác ở quy mô lớn hơn, thực sự đi vào sản xuất hàng hóa.

Như vậy, sự vận động của ruộng đất gắn liền với các hình thái vận động của kinh tế hộ nông dân, gắn liền với trình độ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa và phân công lao động xã hội. Trong đó nổi lên *ba trạng thái sử dụng ruộng đất chủ yếu* cần lưu ý là:

+ Ruộng đất có ý nghĩa sống còn đối với việc đảm bảo lương thực cho mỗi hộ (theo nghĩa tự cung tự cấp) nhất là đối với những vùng ít đất canh tác, sự lưu thông hàng hóa nói chung và lương thực nói riêng với các vùng khác còn rất hạn chế. Đây là đặc trưng của nhiều vùng núi cao.

+ Vai trò của ruộng đất giảm xuống một cách tương đối khi các hộ phát triển ngành nghề phi nông nghiệp, thực hiện kinh doanh tổng hợp, tỷ trọng của phần thu từ nông nghiệp giảm dần trong cơ cấu thu nhập của kinh tế hộ.

+ Ruộng đất có ý nghĩa quan trọng đối với những hộ sản xuất nông nghiệp hàng hóa; thu nhập từ sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao. Song để có hiệu quả, các hộ này sẽ từng bước tích lũy ruộng đất với quy mô thích hợp cho sản xuất loại hàng hóa đó.

Trong nông nghiệp hàng hóa, sự vận động của đất đai đã mang một bản chất mới: *sự vận động của nó gắn giá trị với lợi nhuận*. Trong sản xuất nông nghiệp hàng hóa, quy mô canh tác tối ưu một mặt phụ thuộc vào đối tượng canh tác, mặt khác phụ thuộc vào trình độ kỹ thuật canh tác, vào thị trường, vào hiệu quả sản

xuất kinh doanh. Đối với mỗi quy mô ruộng đất sản xuất nông nghiệp hàng hóa cần có một trình độ kỹ thuật canh tác thích hợp tương ứng (có hiệu quả nhất), và ngược lại. Ở nước ta có thể tạm phân thành các trình độ canh tác sau:

- 1). Canh tác chủ yếu là thủ công (bằng sức lao động của con người).
- 2). Canh tác bằng sức kéo súc vật và công cụ thủ công.
- 3). Canh tác bằng máy nhỏ và sức kéo động vật.
- 4). Canh tác bằng máy móc lớn.

Ở các nước tiên tiến còn có trình độ canh tác nông nghiệp cao hơn, như tự động hóa, tin học hóa, phát triển nền nông nghiệp công nghệ cao.

2. Hai xu hướng sử dụng ruộng đất:

Thực tiễn phát triển các nền nông nghiệp trên thế giới (cũng như mới bắt đầu ở nước ta) cho thấy hai khuynh hướng sử dụng ruộng đất gắn với hai phương thức – mô hình – trình độ phát triển nền nông nghiệp là:

- Phát triển nền nông nghiệp theo chiều rộng: Gắn với xu hướng tăng quy mô ruộng đất canh tác ngày càng lớn của một hộ hay doanh nghiệp. Ở phương hướng này cũng có những giới hạn khách quan, đó là ruộng đất không thể tăng lên được nhiều, nhất là ở những nước đất chật người đông, mất đất cho quá trình phát triển công nghiệp, dịch vụ và đô thị hóa; hơn nữa việc tăng quy mô canh tác vượt quá năng lực quản lý – quản trị và vượt quá trình độ kỹ thuật canh tác sẽ làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm năng lực cạnh tranh. Đây là điều không phải khi nào cũng đảm bảo cho sự phát triển nền nông nghiệp bền vững, nhất là khi đi vào phát triển nền nông nghiệp hàng hóa lớn.
- Phát triển nền nông nghiệp theo chiều sâu dựa vào ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại – tức là phát triển nền nông nghiệp công nghệ cao. Trong mô hình này ruộng đất được sử dụng với các quy mô không lớn (thậm chí là nhỏ) - hợp lý - hiệu quả đối với từng lĩnh vực nông nghiệp và sản phẩm hàng hóa nông sản (thậm chí sử dụng rất ít đất, phát triển theo chiều cao không gian...). Sự phát triển nền nông nghiệp hiện đại của Itsrael là một điển hình cho phương hướng này.

Đối với Việt Nam, do điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội và trình độ phát triển của nền nông nghiệp rất khác nhau giữa các vùng, lại đang còn chủ yếu phát

triển theo chiều rộng; đồng thời trong giai đoạn tới phải đẩy mạnh phát triển nông nghiệp theo chiều sâu, phát triển nền nông nghiệp công nghệ cao - chất lượng cao, thì việc đổi mới chính sách ruộng đất - chính sách sử dụng và tích tụ ruộng đất để kết hợp có hiệu quả hai khuynh hướng sử dụng ruộng đất trên phù hợp với từng lĩnh vực sản xuất nông nghiệp hàng hóa trong từng giai đoạn là vấn đề quan trọng. *Về cơ bản và yêu cầu phát triển nền nông nghiệp hiện đại không nên khuyến khích tích tụ ruộng đất lớn thái quá cho phát triển nền nông nghiệp theo chiều rộng.*

3. Quá trình phát triển và phân hóa kinh tế hộ nông dân gắn với sự vận động của quan hệ ruộng đất:

Quá trình phân hóa kinh tế hộ, bán ruộng đất hay mua thêm ruộng đất để canh tác diễn ra **trên cơ sở hiệu quả sản xuất hàng hóa**, không phải là hậu quả của quá trình tước đoạt hay bóc lột. Quá trình này vận động liên tục làm cho quy mô canh tác trung bình của một hộ sẽ tăng dần lên (nếu tốc độ tăng dân số giữ được ở mức hợp lý), đồng thời số hộ làm nông nghiệp giảm xuống. Đương nhiên quá trình này diễn ra chỉ thực sự có hiệu quả khi nó gắn với quá trình phát triển công nghiệp và dịch vụ, phát triển sản xuất hàng hóa.

Quá trình vận động của KTHND gắn với sự vận động của ruộng đất theo những quy luật kinh tế không diễn ra trong một vài năm như một số người suy nghĩ. Nhịp độ vận động của nó phụ thuộc có tính quyết định vào tốc độ phát triển của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, nhất là quá trình phát triển công nghiệp và dịch vụ, thu hút lao động ra khỏi nông nghiệp. Chúng ta có thể thấy điều này thông qua ví dụ Đài Loan, một trong “năm con rồng” châu Á, có chính sách ruộng đất khá hợp lý, sự vận động quy mô ruộng đất của hộ nông dân như Bảng 1 sau:

Bảng 1. Sự thay đổi số lượng và quy mô nông trại ở Đài Loan

Năm	Số nông trại	Quy mô trung bình của hộ (ha)
1952	679.750	2,29
1955	732.555	1,19
1960	785.592	1,11
1965	847.242	1,05
1970	880.274	1.03

1975	867.547	1.06
1980	872.267	1.04
1981	821.564	1,10
1984	796.000	1,12
1992	-	1,20

Như vậy, Đài Loan phải mất 18 năm (1952 – 1970) mới chặn đứng được quá trình tăng số nông trại và giảm quy mô ruộng đất của nông trại. Từ năm 1970 trở đi là quá trình giảm số lượng nông trại và tăng quy mô trung bình của một số nông trại. Ở các nước khác cũng diễn ra quá trình tương tự (Ở Nhật Bản, sau rất nhiều năm số lao động nông nghiệp giảm đi nay chỉ còn khoảng dưới 4,5%, nhưng quy mô ruộng đất bình quân cũng chỉ 1,6 ha/hộ, rất ít hộ có diện tích lớn; còn ở Thái Lan, diện tích ruộng đất bình quân khoảng 4-5 ha/hộ).

Khi nền kinh tế phát triển cao, chuyển sang kinh tế công nghiệp và dịch vụ chiếm tỷ trọng chi phối, số đông dân cư và lao động chuyển sang sống và làm việc trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ. Đối với số dân cư còn lại gắn với sản xuất nông nghiệp - coi nông nghiệp là nghề chính thì đa số trong số nông trại là sản xuất hàng hóa. Ruộng đất trở thành một yếu tố đầu vào của sản xuất hàng hóa, sự vận động của nó tuân theo những quy luật kinh tế đi đến những hình thức sử dụng có hiệu quả cao hơn, đến những chủ thể có năng lực và điều kiện sử dụng có hiệu quả hơn trong quá trình phân công lại lao động xã hội.

Ở nước ta, quá trình công nghiệp hóa, tốc độ đô thị hoá, phi nông nghiệp hoá mấy năm gần đây có khá hơn, song nhìn chung còn chậm (xem bảng 2, bảng 3 sự thay đổi số lượng tuyệt đối và tỷ lệ về dân số thành thị (DSTT), dân số nông thôn (DSNT); về lao động thành thị (LĐTT), lao động nông thôn (LĐNT) dưới đây; nguồn Tổng cục thống kê):

Bảng 2. Diễn biến DSTT, DSNT Việt Nam:

Năm	DSTT		DSNT	
	SL(tr)	(%)	SL(tr)	(%)
1990	12,880	19,51	53,136	80,49

1995	14,983	20,75	57,057	79,25
2000	18,725	24,12	58,905	75,88
2005	22,332	27,10	60,06	72,34
2009	25,584	29,74	60,410	70,26
2010	26,515	30,50	60,416	69,50
2011	27,888	31,05	59,952	68,25

Bảng 3. Diễn biến LĐTT, LĐNT Việt Nam

Năm	LĐTT		LĐNT	
	SL(tr)	(%)	SL(tr)	(%)
2000	8,910	23,1	29,635	76,9
2005	11,461	24,9	33,443	75,1
2009	13,272	26,9	36,050	73,1
2010	14,106	28,0	36,286	72,0
2011	15,251	29,7	36,146	70,3

Qua số liệu trên cho thấy xét về tỷ lệ thì dân số và lao động thành thị không ngừng tăng lên (dù chậm), tỷ lệ dân số và lao động nông thôn giảm đi liên tục; *nhưng về số lượng tuyệt đối thì cả dân số và lao động thành thị và nông thôn vẫn đều tăng lên, đến năm 2009 – 2011 thì dân số và lao động nông thôn mới bắt đầu “chững lại” và có xu hướng giảm đi.*

Trong khi đó dân số nước ta vẫn tiếp tục tăng lên, số lượng hộ nông nghiệp vẫn lớn, gây sức ép đối với vấn đề ruộng đất canh tác. Có thể thấy điều này qua sự tăng số hộ nông nghiệp ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long nơi sản xuất nông nghiệp hàng hoá phát triển cao nhất nước (Bảng 4.)

Biểu 4: Số hộ nông nghiệp – nông thôn ở một số tỉnh phía Nam

Tỉnh		1991	1992	1993	2011
An Long		196.3	200.2	204.2	307.5
	05		94	65	29
Đông Th áp		223.1	224.7	231.5	346.9
	00		90	39	50
An Giang		256.3	258.6	262.3	365.3
	13		37	14	21
Tiền Giang		221.2	239.0	242.6	384.3
	13		19	51	18
Bến Tre		229.0	233.8	235.1	331.1
	16		27	34	22
Trà Vinh			136.9	141.0	317.0
			88	92	29

Ở các tỉnh khác nhìn chung xu thế cũng tương tự. Theo Tổng cục thống kê tổng số hộ ở nông thôn trong những năm gần đây vẫn đang tiếp tục tăng lên: Số hộ nông thôn cả nước tại thời điểm 1/7/2011 là 15,35 triệu hộ (riêng hộ nông lâm thủy sản là 10,36 triệu hộ, tăng 1,58 triệu hộ so với năm 2006; số hộ sử dụng đất nông nghiệp là 11,95 triệu, tăng 2,5% so với năm 2006).

Điều đó chứng tỏ tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa, phi nông nghiệp hóa còn yếu, chưa đủ sức “quân bình” được với quá trình tăng dân số để tạo nên điểm “dừng” của quá trình giảm quy mô canh tác bình quân trên hộ. Theo điều tra của Tổng cục thống kê năm 2011, quy mô đất nông nghiệp bình quân hộ trên cả nước năm 2011 hầu như rất ít thay đổi so với năm 2006: quy mô canh tác dưới 0,5 ha, chiếm tới 69% số hộ (năm 2006 chiếm 68,8% số hộ); số hộ có quy mô canh tác dưới 0,2 ha chiếm 34,7% số hộ; số hộ có quy mô canh tác từ 2 ha trở lên chỉ có 740.000 hộ (tăng 8,1% so với năm 2006). Riêng số hộ trồng lúa năm 2011 là 9,3 triệu, chỉ giảm 0,13% so với năm 2006, diện tích canh tác bình quân chỉ 0,44 ha/hộ, không tăng so với năm 2006; số hộ có quy mô canh tác từ 0,2 ha trở xuống

chiếm khoảng 50% số hộ, số hộ có quy mô canh tác dưới 0,5 ha chiếm 85% số hộ, số hộ có quy mô canh tác từ 1 ha trở lên chỉ chiếm 11,7% (trong đó số hộ có quy mô canh tác 1- 2 ha chiếm 4,4%, trên 2 ha chiếm 2,3%); riêng quy mô đất lúa bình quân ở Đồng bằng Sông Cửu long có cao hơn, nhưng số hộ có quy mô canh tác từ 2 ha trở lên cũng chỉ chiếm 13%. Đây là xu hướng tiêu cực. *Nhìn chung quá trình tích tụ - tập trung ruộng đất cho phát triển nông nghiệp hàng hóa còn rất chậm, đang bộc lộ nhiều hạn chế về sự phát triển của kinh tế hộ nông dân và sự vận động của quan hệ ruộng đất trong phát triển nông nghiệp hàng hóa ở các vùng.*

Quá trình tích tụ tập trung ruộng đất cho sản xuất nông nghiệp hàng hoá *trước hết* phụ thuộc vào quy mô phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp bằng việc rút bớt lao động và hộ nông nghiệp sang các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp, sang nhượng lại ruộng đất cho các hộ giỏi làm nông nghiệp (và do đó nâng cao thu nhập và hiệu quả sản xuất của chính các hộ làm nông nghiệp). Đó là *dòng chủ đạo* của sự vận động quan hệ ruộng đất và kinh tế hộ nông dân, nhưng trên bình diện chung của cả nước đang diễn ra còn chậm và nhiều trở ngại.

Việt Nam hiện nay, trên bình diện chung, nếu xét bình quân diện tích ruộng đất trên một lao động nông nghiệp thì *nông nghiệp đang ở giai đoạn thừa lao động thiếu đất canh tác* (tuy rằng mức độ ở các vùng khác nhau, đối với các loại đất canh tác cũng khác nhau). Sản xuất lương thực cho gia đình của đa số hộ nông dân còn là vấn đề bức thiết, do đó sự vận động này mang tính đặc thù: *đặc thù của thời kỳ quá độ từ nền nông nghiệp còn mang nặng tính tự nhiên, tự cung tự cấp, sản xuất nhỏ sang nền nông nghiệp hàng hóa lớn*. Xét về quan hệ kinh tế hộ trong sử dụng ruộng đất, vốn và lao động, chúng ta thấy nổi lên bốn phương hướng sau:

- 1) - Từ du canh du cư sang định cư du canh, và từ du canh sang định canh.
- 2) - Sử dụng đất đai theo phương thức đa canh để nâng cao thu nhập.
- 3) - Đi vào thâm canh hoặc chuyển dịch đối tượng canh tác theo hướng thu giá trị ngày càng cao trên một đơn vị diện tích canh tác (như nuôi trồng các cây con đặc sản, xuất khẩu...).
- 4) - Một số khác lại tích tụ ruộng đất để thực hiện sản xuất nông nghiệp hàng hoá lớn.

5) - Cho thuê ruộng đất hoặc sang nhượng hẳn ruộng đất để làm ngành nghề khác.

Hai phương hướng đầu thường gắn với mục tiêu của kinh tế hộ là hướng vào đảm bảo an toàn lương thực và thực phẩm của hộ, hướng 3 và 4 là đặc trưng của mục tiêu kinh tế hộ hướng vào lợi nhuận, vào sản xuất nông nghiệp hàng hoá.

Các hướng trên đang diễn ra mang tính đặc trưng ở các vùng khác nhau của đất nước, từ vùng có điều kiện tự nhiên khó khăn nhất là các tỉnh miền núi phía Bắc, đến vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa cao nhất nước là Đồng bằng Sông Cửu Long.

Hiện nay cả nước ta có khoảng gần 11 triệu hộ nông dân phân bố trong 7 vùng kinh tế khác nhau. Qua kết quả nhiều cuộc điều tra - khảo sát có thể nêu lên một bức tranh khái quát về kinh tế hộ như sau:

- **Nhóm thứ nhất** số hộ khá – giỏi chiếm khoảng 10-20% (tùy điều kiện từng vùng, từng địa phương). Những hộ này đã và đang đi vào sản xuất hàng hóa.

- **Nhóm thứ hai** loại hộ trung bình chiếm khoảng 50-60%, chủ yếu là sản xuất hàng hóa nhỏ.

- **Nhóm thứ ba** loại nghèo, cận nghèo – năng lực sản xuất yếu, chiếm khoảng 10 - 30% (ở các vùng khó khăn số hộ này còn lớn hơn, có nơi tới hơn 60%).

Khi chúng ta nhận thấy rõ bản chất kinh tế, xã hội của quá trình vận động của kinh tế hộ nông dân gắn với quan hệ ruộng đất trong cơ chế thị trường, gắn với quá trình phát triển nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chúng ta sẽ có được những chính sách, chế định pháp lý và giải pháp đủ hiệu lực để cho sự vận động và phát triển của kinh tế hộ nông dân, của ruộng đất theo hướng ngày càng có hiệu quả hơn, đồng thời ngăn chặn tối đa các hiện tượng tiêu cực về kinh tế - xã hội nảy sinh.

4. Sự tác động của quá trình phát triển nông nghiệp hàng hoá lên quan hệ ruộng đất.

Đặc trưng cơ bản của nền nông nghiệp hàng hóa là: Các chủ thể sản xuất hướng sản xuất ra thị trường, và hướng theo lợi nhuận.

Đất đai là một TLSX đặc biệt, về phương diện kinh tế, nó có thể là TLSX của nền kinh tế tự cung tự cấp, nó cũng có thể TLSX của nền kinh tế hàng hóa. Chính vì vậy, **sự vận động của quan hệ ruộng đất trong cơ chế thị trường phụ**

thuộc một cách cơ bản vào ý nghĩa kinh tế của ruộng đất đối với kinh tế hộ nông dân. Sản phẩm nông nghiệp từ đất đai đi vào thị trường có thể về mặt hiện vật là như nhau, nhưng lại có bản chất kinh tế khác nhau, phụ thuộc chính vào trạng thái và trình độ kinh tế của hộ nông dân, vào mục đích của hộ nông dân đưa sản phẩm ra thị trường. Về cơ bản có thể phân ra 3 loại sau:

Loại 1: Hộ nông dân đưa nông sản ra thị trường để bán, nhưng đó là *một phần sản phẩm tất yếu của gia đình*. Trong trường hợp này, tuy sản phẩm từ đất đai trở thành hàng hoá, song nó được sản xuất ra không phải với tư cách là hàng hoá, các yếu tố tạo nên giá trị của phần sản phẩm hàng hoá này (trong đó có giá trị đất đai) không được nông dân tính toán tới với tư cách là yếu tố của sản xuất hàng hóa. Trạng thái này là đặc trưng của đa số hộ nông dân ở vùng núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, nơi sản xuất còn mang nặng tính tự cung tự cấp.

Loại 2: Hộ nông dân sản xuất hàng hóa nhỏ đưa nông sản ra thị trường để bán – đó thường là phần sản phẩm dư thừa so với nhu cầu tiêu dùng của gia đình. Ở những hộ này sản xuất vẫn hướng vào tiêu dùng trực tiếp của hộ là chính, mục đích sản xuất tự tiêu dùng và mục đích sản xuất hàng hoá chưa có sự tách biệt rõ ràng, tính tự cung tự cấp vẫn còn chi phối cao hoạt động kinh tế của họ. Với bản chất kinh tế này đất đai vẫn chưa được sử dụng hoàn toàn như một yếu tố đầu vào của sản xuất hàng hóa, theo hướng có hiệu quả nhất, theo nhu cầu của thị trường. Trạng thái này là đặc trưng của đa số hộ ở những vùng đất chật người đông, sản xuất hàng hoá còn chưa phát triển cao, như ở các vùng đồng bằng Sông Hồng, trung du Bắc Bộ, Trung Bộ.

Loại 3: Đó là những hộ nông dân đã thực sự đi vào sản xuất nông nghiệp hàng hoá. Ở đây mục tiêu lợi nhuận đã gắn với sản xuất hàng hoá, đã chi phối ngay từ đầu của quá trình định hướng sản xuất, sử dụng lao động, sử dụng vốn và sử dụng đất đai. Đối với những hộ này cấu trúc kinh tế của hộ đã thoát khỏi trạng thái khép kín, trở thành cấu trúc kinh tế mở, đối thoại trực tiếp với thị trường. Ở đây đất đai trở thành một yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất hàng hoá, ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của kinh tế hộ nông dân. Bản chất kinh tế của các hộ loại này là kinh tế hàng hoá, trong đó vốn, lao động, đất đai... được sử dụng theo quan điểm sản xuất hàng hóa. Các hướng sử dụng và khai thác ruộng đất cũng vận động theo thị trường, trước hết là theo cung cầu và giá cả nông sản.

Trong ba loại hộ trên, thì ở hai loại hộ đầu, về cơ bản ruộng đất không hoàn toàn vận động theo các quy luật kinh tế thị trường, nó *chưa đóng đầy đủ chức năng là yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất hàng hoá, phương diện giá trị của nó chưa phát triển, và do đó phương diện giá trị sử dụng của nó cũng còn bị “đông cứng” do mục đích sinh tồn – tự cung tự cấp, khép kín, cô lập, hay sản xuất hàng hóa nhỏ của kinh tế hộ quy định, mà trước hết là do nhu cầu lương thực tự cung tự cấp.* Do điều kiện và sự phát triển không đều của các vùng ở nước ta, nên mức độ giải phóng đất đai khỏi quan hệ kinh tế sinh tồn, sản xuất hàng hóa nhỏ và quy mô tham gia của quan hệ ruộng đất vào thị trường ở các vùng có khác nhau.

Rõ ràng chức năng kinh tế của ruộng đất đối với các loại hộ (các trình độ kinh tế hộ) là khác nhau. Trong sản xuất nông nghiệp hàng hoá, các yếu tố đất đai, tư liệu sản xuất khác, vốn, lao động mới chỉ là những điều kiện - dù là rất quan trọng đối với sản xuất hàng hóa, ***yếu tố quyết định nhất là năng lực sản xuất - kinh doanh hàng hoá của chủ hộ.*** Chính sự khác biệt về năng lực sản xuất - kinh doanh hàng hoá của hộ nông dân là một trong những yếu tố cơ bản nhất có tác động quyết định đến mức độ ruộng đất tham gia vào sản xuất hàng hoá, có những hộ phát triển hơn lên, tích tụ, mở rộng quy mô canh tác, lại có một số hộ không phát triển, thậm chí giảm quy mô canh tác hoặc chuyển sang lĩnh vực khác.

Sự thay đổi mục đích sử dụng ruộng đất theo hướng sản xuất hàng hoá và nâng cao hiệu quả kinh tế là một chỉ số cơ bản của nền nông nghiệp hàng hoá, cũng như mức độ tham gia của quan hệ ruộng đất vào cơ chế trường.

VẤN ĐỀ TÍCH TỤ - TẬP TRUNG RUỘNG ĐẤT TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÀNG HÓA

Phát triển nền nông nghiệp hàng hóa, nhất là nền nông nghiệp hàng hóa hiện đại đòi hỏi phải tích tụ - tập trung ruộng đất tới những quy mô thích hợp (đối với từng lĩnh vực và đối tượng sản xuất) để đảm bảo hiệu quả. Tuy nhiên quá trình này ở nước ta đang gặp những trở ngại khách quan và chủ quan như sau:

1. *Ruộng đất ở nhiều vùng còn rất manh mún* (cả nước có gần 14 triệu hộ nông dân với khoảng 78 triệu mảnh ruộng), điều kiện ở nhiều nơi không dễ quy hoạch, cải tạo thành những vùng thuận tiện cho sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn; nếu cải tạo đòi hỏi phải đầu tư lớn.

2. *Tình trạng nông dân “bỏ ruộng”* đã xuất hiện từ khoảng năm 2005, nhưng nay đã trở thành một hiện tượng lan rộng ở nhiều tỉnh, nhất là ở các tỉnh khu vực Đồng bằng Sông Hồng và các tỉnh Bắc Miền Trung. Hiện nay đang có những ý kiến khác nhau về mặt tích cực và tiêu cực của hiện tượng này. Vấn đề đặt ra là cần xem xét, nhận thức đúng bản chất của hiện tượng này, để trên cơ sở đó có những giải pháp phù hợp, hiệu quả. Có những ý kiến cho rằng đó là tất yếu khách quan, phản ánh xu hướng tích cực của quá trình rút bớt lao động ra khỏi nông nghiệp – nông thôn, tạo điều kiện để tích tụ tập trung ruộng đất cho phát triển nền nông nghiệp hàng hóa, *dưới tác động và sức hút tự nhiên của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế và đô thị hóa*. Điều này có mặt đúng, nhưng chưa phản ánh đầy đủ bản chất của vấn đề, vì:

(1). Hiện tượng “bỏ ruộng” đang diễn ra một cách tự phát chủ yếu ở những vùng đang là sản xuất hàng hóa nhỏ, gặp nhiều khó khăn và chưa có “lối thoát” căn bản và có hiệu quả (hiện tượng này hầu như không diễn ra ở những vùng núi sản xuất nông nghiệp có khó khăn và mang nặng tính tự nhiên – tự cung tự cấp như ở miền núi phía Bắc, hay ở vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa đã phát triển cao hơn như ở Đồng bằng Sông Cửu Long).

(2). Hiện tượng đó cũng không phải chủ yếu diễn ra ở các hộ đã có cơ sở kinh tế ngoài nông nghiệp tương đối vững chắc để “bỏ ruộng”, bỏ nghề nông đi làm ngành nghề phi nông nghiệp có thu nhập cao và ổn định hơn, mà chủ yếu là các hộ nông dân với trạng thái kinh tế hộ rất thấp (sản xuất nông nghiệp thu không đủ bù chi, không đảm bảo cuộc sống tối thiểu), bấp bênh và không ổn định.

(3). Xét về bản chất kinh tế, trên bình diện cả nước cũng như ở các vùng, ý nghĩa kinh tế của sản xuất nông nghiệp liên tục giảm đi một cách tương đối so với công nghiệp và dịch vụ. Đối với những hộ nông dân có quy mô ruộng đất canh tác quá nhỏ (như ở đồng bằng Sông Hồng và các tỉnh Miền Trung) lại gắn với thuần nông trồng lúa, ngành nghề kém phát triển, làm cho trạng thái và quy mô kinh tế của hộ nông dân nhỏ bé, luôn rơi vào tình trạng không vượt qua được ngưỡng tái sản xuất giản đơn chứ chưa nói tới có lãi để tái sản xuất mở rộng. *Khi đó ruộng đất mất đi chức năng là yếu tố và điều kiện của sản xuất nông nghiệp hàng hóa, chỉ còn là yếu tố và điều kiện của “niêu cơm sinh tồn” (nhưng cũng không đảm bảo được đầy đủ và vững chắc), và trở thành “gánh nặng” đối với các hộ nông dân, ngay cả khi sản xuất hay không sản xuất vẫn phải đóng rất nhiều khoản, buộc hộ nông dân trả ruộng hay bỏ ruộng.*

(4). Chiến lược “An ninh lương thực” của nước ta còn những mặt bất cập, hiệu quả không cao cả về mặt kinh tế, xã hội và sử dụng tài nguyên đất. Mặc dù là nước xuất khẩu trên 7 triệu tấn lương thực mỗi năm, nhưng ở nhiều vùng vẫn thiếu lương thực, nhiều địa phương diện tích ruộng trồng lúa hàng hóa ít, hiệu quả thấp, nhưng các hộ nông dân vẫn bị “trói” vào mục đích trồng lúa bởi hai lý do : phải trồng lúa mới đảm bảo được ổn định lương thực cho gia đình, hoặc địa phương không cho chuyển đổi sang mục đích sử dụng khác do đã “quy hoạch” vào đất lúa, mặc dù chỉ có mấy sào ruộng.

(5). Tình trạng ở không ít nơi, người nông dân không còn “gắn bó” với ruộng đất, cho mượn, cho thuê, trả lại ruộng cho xã, HTX hoặc bỏ ruộng hoang, **phản ánh những “nút thắt” đang làm suy yếu đi động lực phát triển nông nghiệp - nông thôn, suy yếu đi động lực phát triển của Kinh tế hộ nông dân.** Đó là : Sự “Đối thoại” giữa công nghiệp và dịch vụ với phát triển nông nghiệp – nông thôn chưa có hiệu quả cao; chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp – nông thôn còn nhiều bất cập; tính tự cung tự cấp – sản xuất nhỏ manh mún của kinh tế hộ nông dân ở những vùng này còn cao, và do đó chuyển dịch cơ cấu lao động chậm, mức độ toàn dụng lao động ở nông thôn còn thấp; lưu chuyển ruộng đất cho phát triển nông nghiệp hàng hóa còn nhiều khó khăn trở ngại.

3. *Làm ruộng theo kiểu “đi thuê”*: Trên thế giới, nền nông nghiệp có hiệu quả phải là nền nông nghiệp của các hộ nông dân trực canh (bằng lao động trực tiếp của các chủ nông trại, lao động trong gia đình là chính, ngay cả các nông trại sản xuất hàng hóa lớn cũng sử dụng rất ít lao động làm thuê, thường sử dụng một số lao động thuê theo thời vụ). Nhưng hiện nay ở nước ta, ngay tại vùng đồng bằng Sông Hồng và nhiều địa phương khác ở miền Bắc và Miền Trung, các hộ nông dân làm ruộng nhưng rất nhiều khâu sản xuất đều đi thuê (thuê làm đất, gieo cấy, thu hoạch...). Do quy mô ruộng đất canh tác rất nhỏ không thể nuôi trâu bò cày như trước, cũng không thể tự trang bị máy móc làm đồng. Ngay ở đồng Bằng Sông Cửu Long các hộ nông dân trồng lúa hàng hóa cũng canh tác theo phương thức đi thuê các khâu chủ yếu như làm đất, gieo xạ, thu hoạch, vận chuyển, phơi sấy... Làm ruộng theo kiểu “đi thuê” sẽ làm cho chi phí sản xuất cao, hiệu quả kinh tế thấp, không bền vững. **Vấn đề các hộ nông dân “Làm ruộng” theo kiểu đi thuê hầu hết các khâu đang là một biến thái đáng quan ngại (nó khác biệt nghề nông trên thế giới), cần phải được nghiên cứu kỹ và có giải pháp phù hợp.**

4. Những điều trình bày ở trên cho thấy tình trạng lưu chuyển ruộng đất trong phát triển nền nông nghiệp hàng hóa còn nhiều khó khăn không chỉ là do tương quan về giá cả “đầu vào – đầu ra” trong sản xuất kinh doanh bất lợi cho hộ nông dân, mà là hệ quả của nhiều yếu tố cả về kinh tế, xã hội, thể chế và điều kiện tự nhiên... tạo nên những trở ngại cho quá trình chuyển dịch - tích tụ - tập trung ruộng đất cho phát triển nông nghiệp hàng hóa.

Thực tiễn cho thấy những trở ngại chủ yếu về tích tụ - tập trung ruộng đất cho sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn như sau:

- Ruộng đất manh mún, điều kiện tự nhiên không thuận lợi cho sản xuất hàng hóa lớn (như ở một số địa phương miền núi phía Bắc, ĐBSH, Miền Trung...)
- Tâm lý giữ ruộng (dù bỏ hoang) như một tài sản thừa kế của các thế hệ trong gia đình (như ở không ít nơi miền Bắc).
- Các chính sách cho chuyển dịch ruộng đất và cho sản xuất nông nghiệp hàng hóa còn nhiều bất cập (thời hạn giao đất, quy mô ruộng đất, thuế, quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa, thị trường tiêu thụ nông sản, thủ tục hành chính...).
- Ý nghĩa kinh tế của ruộng đất đối với hộ gia đình nông dân bị giảm đi so với công nghiệp và dịch vụ, nhất là ở những vùng đất chật người đông.
- Sự phát triển công nghiệp và dịch vụ không đủ sức thu hút lao động nông nghiệp mạnh và ổn định.
- Các HTX, các doanh nghiệp thiếu sự liên kết với các hộ nông dân một cách bền vững để hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn. Giữa hộ nông dân với các HTX, Doanh nghiệp đang **thiếu sự tin cậy lẫn nhau trong việc liên kết tích tụ - tập trung ruộng đất quy mô lớn cho sản xuất nông nghiệp hàng hóa, nhất là trong một thời gian dài 10 - 20 năm trở lên** (Hộ nông dân sợ mất đất, Doanh nghiệp lo hộ nông dân đòi đất ngang chùng...).
- Kinh nghiệm sản xuất – kinh doanh nông nghiệp hàng hóa lớn của các hộ nông dân, các HTX và cả các doanh nghiệp còn nhiều hạn chế. Trình độ sản xuất và ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, công nghệ cao trong nông nghiệp còn nhiều hạn chế.

- Các hộ nông dân và các doanh nghiệp thiếu vốn đầu tư cho phát triển nông nghiệp hàng hóa lớn.
- Những rủi ro từ thị trường và từ thiên nhiên đối với sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn.

Để thúc đẩy quá trình lưu chuyển, tích tụ - tập trung ruộng đất cho phát triển nông nghiệp hàng hóa đòi hỏi phải có những giải pháp đồng bộ, hệ thống cả ở tầm quốc gia, tầm khu vực, địa phương, trực tiếp đối với hộ nông dân, HTX và các doanh nghiệp nhằm tháo gỡ các nút thắt trên, tạo điều kiện thuận lợi cho sự vận động của quan hệ ruộng đất trong phát triển nền nông nghiệp hàng hóa nước ta. Bước phát triển mạnh chỉ có thể đạt được nếu đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ... nhằm rút bớt lao động và giảm số hộ trong lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn, tích tụ - tập trung ruộng đất cho phát triển nông nghiệp hàng hóa. Nhưng *vấn đề quan trọng cần phải xử lý là tích tụ - tập trung ruộng đất cho phát triển nông nghiệp hàng hóa phải gắn và đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các chủ thể, nhất là lợi ích của hàng triệu hộ nông dân, chứ không chỉ vì lợi ích của những chủ thể và doanh nghiệp được tích tụ - tập trung ruộng đất với quy mô lớn.* Không thể bằng các biện pháp hành chính áp đặt để thực hiện quá trình tích tụ - tập trung ruộng đất cho phát triển nông nghiệp hàng hóa lớn. Trong vấn đề này Nhà nước đóng vai trò hết sức quan trọng.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỨC ĐẨY LƯU CHUYỂN – TÍCH TỤ - TẬP TRUNG RUỘNG ĐẤT CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÀNG HÓA

Có thể nêu tóm tắt một số giải pháp chủ yếu sau đây:

1. Hoàn thiện cơ sở pháp lý để cho các hộ nông dân thực sự là đơn vị kinh tế tự chủ trong phát triển nông nghiệp hàng hóa.

Trước hết phải thực hiện nghiêm túc việc giao ruộng đất ổn định lâu dài cho các hộ nông dân (và các chủ thể khác) với đầy đủ các quyền theo luật định (quyền sử dụng, chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, thế chấp, cho thuê...). Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu về tài sản, vốn, tư liệu sản xuất và quyền tự do kinh doanh để các hộ nông dân và các doanh nghiệp thực sự yên tâm đầu tư phát triển nông nghiệp hàng hóa, đồng thời thúc đẩy việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp - nông thôn.

Đẩy mạnh phát triển Kinh tế hộ nông dân theo hướng sản xuất hàng hóa phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng lĩnh vực và theo quy hoạch. Vì các hộ nông dân là chủ thể cơ sở và lực lượng đông đảo nhất, có vai trò quan trọng hàng đầu trong nền nông nghiệp hàng hóa. Cần khắc phục phương thức sản xuất của các hộ nông dân chủ yếu bằng thuê lao động; thực hiện các giải pháp nâng cao trình độ tư duy và năng lực - trình độ sản xuất kinh doanh hàng hóa, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của hộ nông dân; thúc đẩy phát triển mạnh các hộ chuyên sản xuất hàng hóa chất lượng cao, phát triển các **Trang trại hiện đại**. Cần làm cho nghề nông từng bước thoát khỏi “kinh nghiệm thuần túy” “không cần đào tạo”. Kinh nghiệm của các nước có nền nông nghiệp tiên tiến cho thấy các chủ nông trại phải được đào tạo rất kỹ và tổng hợp về hạch toán kinh doanh, quản lý sản xuất, tiếp cận thị trường, bảo vệ môi trường, sử dụng đất... Đã đến lúc phải thực hiện các giải pháp hình thành đội ngũ các chủ hộ nông dân được đào tạo (qua một hệ thống trường lớp, chương trình thích hợp) có văn hóa, có trình độ, có vị trí xã hội không kém gì các ngành nghề khác. Phải có đội ngũ chủ hộ nông dân sản xuất hàng hóa giỏi mới có cơ sở nền tảng tích tụ - tập trung ruộng đất cho phát triển một nền nông nghiệp hiện đại, hiệu quả, bền vững.

2. Quy hoạch trung và dài hạn phát triển các vùng và sản phẩm nông nghiệp hàng hóa, nhất là hàng hóa nông sản chất lượng cao theo quan điểm thị trường.

Quy hoạch phát triển nông nghiệp hàng hóa phải xuất phát từ quan hệ “Cầu - Cung” và gắn với phát huy cao lợi thế so sánh của từng vùng, từng sản phẩm; gắn với đẩy mạnh phát triển và lành mạnh hóa thị trường hàng hóa nông sản trong nước kết nối có hiệu quả với thị trường quốc tế. Phát triển thị trường phải gắn liền với xây dựng thương hiệu sản phẩm nông sản Việt, với nâng cao chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch, với đảm bảo truy xuất nguồn gốc xuất xứ hàng hóa nông sản.

Điều rất quan trọng là phải từng bước hình thành đồng bộ thị trường vốn, lao động, TLSX, ruộng đất, nông sản... dưới sự quản lý, điều tiết và định hướng của Nhà nước, khắc phục các tác động tiêu cực của cơ chế thị trường, làm cơ sở cho sự phát triển kinh tế nông nghiệp hàng hóa bền vững.

3. Tiếp tục hoàn thiện luật pháp và chính sách ruộng đất để thúc đẩy phát triển nền nông nghiệp hiện đại, sản xuất hàng hóa lớn, chất lượng cao

Chế định rõ, công khai, minh bạch cơ sở pháp lý cho sự vận động của các quyền của người sử dụng đất, cho sự vận động công khai, minh bạch, hiệu quả của quan hệ ruộng đất trong kinh tế thị trường.

Thực hiện chính sách mở rộng “hạn điền” hợp lý cho những chủ thể trực tiếp quản lý - sản xuất kinh doanh nông nghiệp hàng hóa phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng lĩnh vực.

Đẩy mạnh quá trình tích tụ - tập trung ruộng đất phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng lĩnh vực cho phát triển nông nghiệp hàng hóa lớn theo bốn hướng:

Một là, các hộ nông dân liên kết ruộng đất với nhau trong các HTX thành vùng sản xuất hàng hóa lớn, chất lượng cao;

Hai là, tích tụ ruộng đất cho các hộ nông dân sản xuất hàng hóa giỏi (trang trại sản xuất hàng hóa lớn);

Ba là, các hộ nông dân liên kết với các doanh nghiệp hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn;

Và bốn là, tích tụ ruộng đất cho các doanh nghiệp nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn, chất lượng cao.

Có các chính sách và giải pháp phù hợp để đẩy mạnh quá trình “dồn điền đổi thửa”, hình thành các “cánh đồng lớn”; đẩy mạnh thực hiện các chính sách về luân chuyển quyền sử dụng ruộng đất (cho thuê, sang nhượng, ủy thác canh tác, liên kết, góp vốn bằng quyền sử dụng đất...), tạo điều kiện thuận lợi hình thành và phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn. Việc lựa chọn các phương hướng tích tụ - tập trung ruộng đất trên cần phù hợp với điều kiện từng vùng, từng lĩnh vực, đảm bảo tính hiệu quả tổng hợp cả về kinh tế, xã hội và môi trường; đảm bảo hài hòa lợi ích và sự phát triển bền vững của hộ nông dân, của nông thôn, của doanh nghiệp và các chủ thể tham gia cả về mặt kinh tế và xã hội, chứ không thể chỉ nghiêng về lợi ích của những chủ thể được tích tụ ruộng đất.

Vấn đề đặt ra là: Trong điều kiện hiện nay ở nước ta còn một tỷ lệ rất lớn lao động và dân cư sống dựa vào nông nghiệp, trong khi công nghiệp và dịch vụ chưa đủ sức thu hút phần lớn lao động ra khỏi lĩnh vực nông nghiệp, cho nên phải rất coi trọng hình thức các hộ nông dân liên kết ruộng đất với nhau trong các HTX, liên kết bền vững với các doanh nghiệp để hình thành vùng sản xuất hàng hóa lớn, chất lượng cao. Việc thu hồi ruộng đất để giao cho các doanh nghiệp phát

triển nông nghiệp hàng hóa lớn - công nghệ cao cần phải được xem xét kỹ trong những điều kiện cụ thể, phải đảm bảo ổn định và thỏa đáng lợi ích của các hộ nông dân.

Khuyến khích và ưu tiên tích tụ ruộng đất cho phát triển nông nghiệp theo chiều sâu; từng bước hạn chế tích tụ ruộng đất phát triển nông nghiệp theo chiều rộng. Ban hành các quy định để loại bỏ tình trạng tích tụ - tập trung và sử dụng ruộng đất theo kiểu “đầu cơ” (để rồi xin chuyển đổi mục đích sử dụng), theo kiểu “phát canh thu tô”. **Vấn đề quan trọng là phải xây dựng khung pháp lý phù hợp, minh bạch cho các hình thức tích tụ - tập trung ruộng đất.**

Không coi đây mạnh xuất khẩu lương thực là chiến lược. Xây dựng chiến lược “an ninh lương thực” – “An ninh dinh dưỡng” quốc gia hợp lý, hiệu quả, để quy hoạch quỹ đất lúa phù hợp theo quan điểm phát huy lợi thế của từng vùng; giảm bớt diện tích đất trồng lúa cho năng suất thấp, kém hiệu quả. Sử dụng linh hoạt quỹ đất nông nghiệp. Quy hoạch đất đai để phát triển giao thông, cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu của phát triển nông nghiệp hàng hóa .

4. Phát triển các mô hình hợp tác xã kiểu mới:

Phải đổi mới một cách căn bản các mô hình hợp tác xã (HTX) hiện có cũng như phát triển các mô hình HTX kiểu mới trên cơ sở đảm bảo đúng nguyên tắc “tự nguyện, dân chủ, bình đẳng, cùng có lợi”; thực hiện đúng hộ và HTX là hai chủ thể kinh tế, HTX phải hoạt động trên cơ sở hiệu quả của chính mình, đồng thời hỗ trợ cho kinh tế hộ nông dân phát triển sản xuất hàng hóa. Do điều kiện khách quan và trình độ phát triển nền nông nghiệp, trình độ kinh tế hộ ở nước ta còn khác nhau nhiều giữa các vùng, cho nên cần phải phát triển ba loại hình HTX phù hợp với ba loại trình độ kinh tế hộ nông dân: HTX mang tính chất liên kết hỗ trợ lẫn nhau trong sản xuất của các hộ nông dân sản xuất chủ yếu còn mang tính tự cung, tự cấp; HTX thực hiện cung cấp một số dịch vụ đầu vào cho các hộ nông dân còn ở trình độ chủ yếu sản xuất hàng hóa nhỏ; HTX cung cấp các dịch vụ (cả dịch vụ đầu vào và dịch vụ đầu ra) cho các hộ nông dân đã đi vào sản xuất hàng hóa. Chế định khung pháp lý và cơ chế liên kết bền vững giữa các HTX với các doanh nghiệp.

5. Đẩy mạnh đổi mới và phát triển hệ thống doanh nghiệp trong nông nghiệp, nhất là doanh nghiệp công nghệ cao:

Doanh nghiệp phải là chủ thể trung tâm kết nối với các hộ nông dân, các HTX và với thị trường trong nền nông nghiệp hiện đại; cần phải đẩy mạnh phát triển đồng bộ các loại hình doanh nghiệp trong nông nghiệp; phát triển hệ thống dịch vụ sản xuất trong nông nghiệp - nông thôn (dịch vụ vật tư, kỹ thuật, khuyến nông, khuyến công, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ...) tới hộ nông dân. Khuyến khích các doanh nghiệp liên kết đầu tư phát triển vùng nguyên liệu, đảm bảo khâu chế biến và bao tiêu sản phẩm đối với các hộ nông dân và các HTX, xóa bỏ các khâu trung gian phi lý. Cần phải chống tình trạng độc quyền, cửa quyền, ép giá, ép phương thức mua bán đối với nông dân. Nhà nước phải đóng được vai trò quản lý, điều tiết và hướng dẫn trong việc đảm bảo dịch vụ cho nông dân.

6. Đẩy mạnh xây dựng, phát triển và hoàn thiện và các hình thức liên kết sản xuất kinh doanh bền vững trong nông nghiệp

Phát triển kinh tế hộ nông dân - phát triển nền nông nghiệp hiện đại, hiệu quả đòi hỏi phải xây dựng được đa dạng các hình thức liên kết bền vững giữa các hộ nông dân trong các HTX, với các doanh nghiệp và với các chủ thể khác. Phải hình thành được các chuỗi liên kết hợp lý, có sự chia sẻ cả về trách nhiệm, nghĩa vụ, lợi ích và rủi ro giữa các hộ nông dân với các HTX, các doanh nghiệp và các chủ thể liên quan. Cần rà soát và đánh giá lại tất cả các chuỗi sản xuất - kinh doanh trong nông nghiệp hiện nay, nhất là đối với các sản phẩm chủ lực, mũi nhọn, ở các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn theo các tiêu chí trên. Tùy theo trình độ, quy mô và đặc điểm của từng lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, có thể lựa chọn và phát triển đa dạng, đa tầng các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất kinh doanh (ngang - dọc) phù hợp, hiệu quả, bền vững, nhất là đối với các chuỗi sản xuất - kinh doanh nông sản sạch, chất lượng cao. Chính quá trình liên kết chặt chẽ giữa các hộ nông dân trong các HTX và với các doanh nghiệp là cơ sở để thúc đẩy quá trình tích tụ - tập trung ruộng đất cho phát triển nền nông nghiệp hàng hóa lớn.

7. Đổi mới và hoàn thiện cơ chế, chính sách đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng, chuyển giao KH - CN trong nông nghiệp

Phát triển và ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp phải được coi là khâu then chốt trong chuyển đổi mô hình tăng trưởng sang phát triển theo chiều sâu, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Điều quan trọng là phải phải đổi mới và hoàn thiện thể chế thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng KH - CN,

nhất là công nghệ cao trong nông nghiệp. Trọng tâm là *phải xây dựng được cơ chế liên kết việc nghiên cứu - ứng dụng KH - CN theo các chuỗi sản xuất kinh doanh từ hộ nông dân tới thị trường đồng bộ về trách nhiệm, quyền hạn, nghĩa vụ, lợi ích, và chia sẻ rủi ro giữa các bên tham gia; đảm bảo lợi ích xứng đáng và hài hòa giữa các chủ thể liên quan.*

Trong điều kiện cụ thể hiện nay, cần tập trung phát triển và ứng dụng công nghệ cao vào các khâu như: giống cây, con chất lượng cao, chế biến (nhất là chế biến sâu) - bảo quản chất lượng cao; quy trình canh tác tiên tiến; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; các hình thức tổ chức sản xuất - kinh doanh tiên tiến. Việc ứng dụng khoa học và công nghệ cao trong nông nghiệp là một tiền đề - điều kiện rất quan trọng để sử dụng đất nông nghiệp một cách tiết kiệm và hiệu quả nhất, hạn chế việc tích tụ - tập trung ruộng đất phát triển nông nghiệp theo chiều rộng.

Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp nêu trên sẽ tạo được động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển nền nông nghiệp nước ta theo chiều sâu và bền vững, nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh trong hội nhập quốc tế.

Khuyến nghị:

Đảng và Chính phủ cần đưa ra các quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc, định hướng và khung chính sách chung về vấn đề tích tụ - tập trung ruộng đất để phát triển nền nông nghiệp hàng hóa hiện đại, hiệu quả. Trên cơ sở đó cần xây dựng các đề án cụ thể, phù hợp đối với điều kiện đất đai, điều kiện kinh tế - xã hội, trình độ sản xuất, lĩnh vực sản xuất... của từng khu vực, địa phương.

“... Đã đến lúc phải thực hiện các giải pháp hình thành đội ngũ các chủ hộ nông dân được đào tạo (qua một hệ thống trường lớp, chương trình thích hợp) có văn hóa, có trình độ, có vị trí xã hội không kém gì các ngành nghề khác. Phải có đội ngũ chủ hộ nông dân sản xuất hàng hóa giỏi mới có cơ sở nền tảng tích tụ - tập trung ruộng đất cho phát triển một nền nông nghiệp hiện đại, hiệu quả, bền vững”.

PGS.TS Trần Quốc Toàn

“Trong điều kiện hiện nay ở nước ta còn một tỷ lệ rất lớn lao động và dân cư sống dựa vào nông nghiệp, trong khi công nghiệp và dịch vụ chưa đủ sức thu hút phần lớn lao động ra khỏi lĩnh vực nông nghiệp, phải rất coi trọng hình thức các hộ nông dân liên kết ruộng đất với nhau trong các HTX, liên

kết bền vững với các doanh nghiệp để hình thành vùng sản xuất hàng hóa lớn, chất lượng cao. Việc thu hồi ruộng đất để giao cho các doanh nghiệp phát triển nông nghiệp hàng hóa lớn - công nghệ cao cần phải được xem xét kỹ trong những điều kiện cụ thể, phải đảm bảo ổn định và thỏa đáng lợi ích của các hộ nông dân”.

PGS.TS Trần Quốc Toàn

Tài liệu tham khảo:

1. Đổi mới quan hệ sở hữu đất đai – Lý luận và thực tiễn; Chủ biên – PGS.TS Trần Quốc Toàn, NXB Chính trị quốc gia. Hà Nội, 2013.
2. Đổi mới và hoàn thiện thể chế phát triển nông nghiệp trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; Báo cáo trình Trung ương; Chủ trì – Trần Quốc Toàn, và các cộng sự; Hà Nội, 2013.